BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
THANH TRA

Số: 18 /KL-TTr

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty Cổ phần Việt - Pháp sản xuất thức ăn gia súc

Thực hiện Quyết định số 21/QĐ-TTr ngày 02/01/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty Cổ phần Việt - Pháp sản xuất thức ăn gia súc, ngày 12/01/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty Cổ phần Việt - Pháp sản xuất thức ăn gia súc;

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 22/01/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Việt - Pháp sản xuất thức ăn gia súc (sau đây gọi là doanh nghiệp).

- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600234534, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/02/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 13/12/2021.

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.

- Điện thoại giao dịch: 0251 383 6701.

- Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp: đường số 9, khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Tài khoản số 0121000001330 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai.

- Doanh nghiệp đã thành lập công đoàn cơ sở.

- Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp: 338 người, trong đó có 70 lao động nữ.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

Tuy nhiên, báo cáo không đúng mẫu theo quy định (không có thông tin về từng người lao động).

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Doanh nghiệp thực hiện đăng thông tin tuyển dụng qua các trang mạng xã hội và niêm yết thông báo tại bảng tin của doanh nghiệp. Phỏng vấn trực tiếp người ứng tuyển.

- Không thu phí tuyển dụng người lao động, không nhận tiền hoặc tài sản khác của người lao động để đảm bảo thực hiện hợp đồng lao động.

- Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.

- Đã lập, cập nhật, quản lý sổ quản lý lao động.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không thực hiện đào tạo nghề cho người lao động, không ký kết hợp đồng học nghề, tập nghề với người học nghề, tập nghề.

3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động

- Số người không thuộc diện phải ký hợp đồng lao động: không.

- Số người thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 336 người. Doanh nghiệp đã giao kết hợp đồng lao động đối với 336 người, cụ thể:

+ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 297 người;

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng: 39 người.

- Số người lao động đang thử việc: 01 người (Huỳnh Văn Sang). Doanh nghiệp áp dụng thời gian thử việc theo quy định.

- Doanh nghiệp không sử dụng người lao động thuê lại.

- Trong kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không có lao động bị mất việc làm.

- Trong kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp có 88 lao động thôi việc. Doanh nghiệp đã trả trợ cấp thôi việc cho 73 người lao động đủ điều kiện hưởng với số tiền là 1.686.554.171 đồng.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thoả ước lao động tập thể

- Đã tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc; chưa phát sinh đối thoại đột xuất khi có yêu cầu.

- Đã ký kết thỏa ước lao động tập thể.

- Hồ sơ thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp không có yêu cầu bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể lao động hoặc của người sử dụng lao động, không có biên bản cuộc họp thương lượng.

- Đã thực hiện theo các nội dung đã thoả thuận trong thoả ước lao động tập thể của doanh nghiệp.

- Đã gửi thỏa ước lao động tập thể đến Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai.

- Đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc ban hành kèm theo Quyết định số 211/2018/QĐ-PCBH ngày 08/10/2018 của Tổng Giám đốc doanh nghiệp.

5. Tiền lương và trả công lao động

- Mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng là 4.680.000 đồng/tháng.

- Thu nhập thấp nhất, cao nhất, bình quân:

+ Thu nhập thấp nhất: 5.815.0000 đồng/người/tháng.

+ Thu nhập cao nhất: 122.300.000 đồng/người/tháng.

+ Thu nhập bình quân: 19.046.000 đồng/người/tháng.

- Doanh nghiệp áp dụng phương pháp trả lương qua tài khoản của người lao động được mở tại ngân hàng thương mại. Người lao động không phải trả các chi phí liên quan đến việc mở và duy trì tài khoản.

- Doanh nghiệp áp dụng hình thức trả lương theo thời gian.

- Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.

- Đã trả tiền lương làm thêm giờ, làm việc vào ngày nghỉ có hưởng lương, ngày nghỉ lễ, tết, tiền lương làm việc vào ban đêm cho người lao động theo quy định.

- Đã trả lương những ngày chưa nghỉ hằng năm hoặc ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm cho người lao động do thôi việc.

- Trong kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không phát sinh người lao động ngừng việc; không thực hiện xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương, khấu trừ tiền lương người lao động.

- Đã thực hiện cung cấp bữa ăn ca miễn phí cho người lao động.

6. Thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi

- Doanh nghiệp áp dụng thời gian làm việc theo giờ hành chính 8 giờ/ngày, 40 giờ/tuần đối với khối văn phòng (nghỉ ngày thứ bảy, chủ nhật); 8 giờ/ngày và 48 giờ/tuần đối với bộ phận sản xuất.

- Việc làm thêm giờ hằng ngày, hằng tháng, hằng năm: kiểm tra bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương tháng 10/2023, doanh nghiệp huy động 21 người lao động làm thêm giờ vượt quá 40 giờ trong tháng (Ngô Mạnh Dũng làm thêm 65 giờ, Đỗ Mai Anh làm thêm 58 giờ, Trần Công Tuấn làm thêm 47 giờ, Nguyễn Tuấn Duy làm thêm 44 giờ, Vũ Hồng Nhân làm thêm 47 giờ, Đào Thiện Minh làm thêm 59 giờ, Nguyễn Thành Thi làm thêm 49 giờ, Nguyễn Văn

Ánh làm thêm 54 giờ, Trần Hữu Hùng làm thêm 56 giờ, Lê Hoàng Yến làm thêm 43 giờ, Nguyễn Đức Bình làm thêm 57 giờ, Nguyễn Ngọc Thạnh làm thêm 56 giờ, Dương Văn Xuân làm thêm 55 giờ, Nguyễn Thanh Hùng làm thêm 54 giờ, Lưu Hồng Sơn làm thêm 42 giờ, Đào Anh Quốc làm thêm 48 giờ, Nguyễn Quốc Trinh làm thêm 50 giờ, Phạm Văn Chánh làm thêm 59 giờ, Phan Thanh Sang làm thêm 85 giờ, Dương Tiến Dũng làm thêm 96 giờ, Đặng Huỳnh Thảo làm thêm 71 giờ).

- Đã thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ hằng năm, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

- Đã bố trí 12 ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm công việc trong điều kiện bình thường và 14 ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại (chưa tính thâm niên).

- Việc quy định các đợt nghỉ ngắn trong ca làm việc: có quy định các đợt nghỉ ngắn với thời gian nghỉ 05 phút/đợt được tính là thời gian làm việc.

7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai (năm 2023). Nội quy lao động có đầy đủ nội dung theo quy định. Tuy nhiên, nội quy lao động có nội dung trái quy định của pháp luật: người lao động muốn nghỉ việc riêng cần làm đơn xin nghỉ báo trước cho doanh nghiệp ít nhất 03 ngày trước khi nghỉ (khoản 4 Điều 8).

- Trong kỳ thanh tra, doanh nghiệp không xử lý kỷ luật lao động, bồi thường trách nhiệm vật chất.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Tổng số lao động nữ: 70 người.

- Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm:

+ Không sử dụng lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

+ Lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi được nghỉ 60 phút/ngày làm việc và được hưởng nguyên lương; lao động nữ trong thời gian hành kinh được nghỉ 30 phút/ngày làm việc và được hưởng nguyên lương.

+ Không sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ trong doanh nghiệp.

+ Bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ.

+ Thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.

- Chưa thực hiện giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động.

8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên, lao động là người lao động nước ngoài, lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi.

Trong kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên, lao động là người nước ngoài, lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi.

9. Khiếu nại, tranh chấp lao động

Trong kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không phát sinh các vụ khiếu nại về lao động, tranh chấp lao động.

10. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Đã thực hiện đánh giá, phân loại lao động theo điều kiện lao động đối với nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: có 47 người làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; không có người làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Đã thống kê số lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm đủ nội dung theo quy định.

- Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động: không phát sinh.

- Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên gồm 07 người theo quyết định số 02/2023/QĐ-MLATVSV ngày 31/5/2023 của Tổng giám đốc doanh nghiệp. Tuy nhiên, 4/7 người là tổ trưởng hoặc trưởng ca sản xuất; mạng lưới an toàn, vệ sinh viên chưa bảo đảm mỗi tổ sản xuất có 1 an toàn, vệ sinh viên trong giờ làm việc (thiếu bộ phận bảo trì, nồi hơi).

- Đã bố trí 01 người (ông Văn Viết Tuân) làm chuyên trách về công tác an toàn, vệ sinh lao động.

- Đã bố trí ông Đoàn Thanh Bình có trình độ cử nhân điều dưỡng làm công tác y tế tại doanh nghiệp.

- Tổng số các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đang sử dụng: 34 máy, thiết bị (13 xe nâng hàng, 01 nồi hơi, 01 hệ thống đường ống dẫn hơi nước, 08 bình chứa khí nén, 03 hệ thống băng tải, 05 tời điện, 03 palang xích kéo tay) đã được kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

- Đã xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

- Việc huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động:

+ Đã thực hiện huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho 247 người lao động: 10 người nhóm 1, 01 người nhóm 2, 147 người nhóm 3, 82 người nhóm 4, 01 người nhóm 5 và 06 người nhóm 6.

+ Chưa thực hiện huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho 90 người lao động làm việc tại bộ phận kinh doanh của doanh nghiệp.

- Đã trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

- Đã thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, có hại theo quy định.

- Trong kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không phát sinh tai nạn lao động.

- Năm 2023, đã thực hiện quan trắc môi trường lao động: đã đo 329 mẫu, trong đó: 315 mẫu đạt tiêu chuẩn và 14 mẫu tiếng ồn không đạt tiêu chuẩn vệ sinh lao động.

- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm cho toàn bộ người lao động, lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản; người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được khám sức khỏe 06 tháng một lần (tháng 4 và tháng 11/2023).

- Đã tổ chức khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho 66 người lao động, kết quả chưa phát hiện người lao động mắc bệnh nghề nghiệp.

- Đã lập hồ sơ theo dõi sức khỏe cho người lao động theo quy định.

11. Bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

- Số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: 336 người.

+ Số người đã tham gia: 336 người.

+ Số người chưa tham gia: 0 người.

- Số người không thuộc đối tượng phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế: không.

- Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là tiền lương ghi trong hợp đồng lao động và các khoản phụ cấp.

- Số tiền phải đóng cho cơ quan bảo hiểm xã hội tháng 12/2023: 1.481.422.735 đồng. Số tiền chậm đóng: 0 đồng.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật về lao động đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.2. Đã đăng thông tin tuyển dụng; không thu phí tuyển dụng người lao động, không nhận tiền hoặc tài sản khác của người lao động để đảm bảo thực hiện hợp đồng lao động.

1.3. Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.

1.4. Đã lập, cập nhật, quản lý sổ quản lý lao động.

1.5. Đã giao kết hợp đồng lao động đối với 100% người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động.

1.6. Đã tổ chức đối thoại định kỳ với người lao động tại nơi làm việc.

1.7. Đã ký thỏa ước lao động tập thể và thực hiện các nội dung theo thỏa ước lao động tập thể đã ký kết.

1.8. Đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

1.9. Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.

1.10. Đã trả tiền lương làm thêm giờ, làm việc vào ngày nghỉ có hưởng lương, ngày nghỉ lễ, tết cho người lao động theo quy định.

1.11. Đã thực hiện quy định về ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động tại doanh nghiệp.

1.12. Đã cung cấp bữa ăn ca miễn phí cho người lao động.

1.13. Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động.

1.14. Doanh nghiệp không có trường hợp người lao động bị xử lý kỷ luật lao động, bồi thường trách nhiệm vật chất; không phạt tiền, cắt lương thay việc xử lý kỷ luật lao động.

1.15. Doanh nghiệp sử dụng 70 người lao động nữ và đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ.

1.16. Tại doanh nghiệp không phát sinh các vụ khiếu nại về lao động, tranh chấp lao động.

1.17. Đã thống kê số lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

1.18. Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm đủ các nội dung theo quy định.

1.19. Đã bố trí bộ phận làm công tác an toàn, vệ sinh lao động và bộ phận làm công tác y tế theo quy định.

1.20. Đã thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định.

1.21. Đã xây dựng và ban hành nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

1.22. Đã thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động.

1.23. Đã trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

1.24. Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

1.25. Đã thực hiện quan trắc môi trường lao động.

1.26. Đã khám sức khoẻ định kỳ cho toàn bộ người lao động theo quy định; lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản.

1.27. Đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động thuộc đối tượng phải tham gia.

1.28. Đã trích đóng đầy đủ tiền bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho cơ quan bảo hiểm xã hội.

2. Những quy định của pháp luật về lao động chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương không đúng mẫu số 01/PLI phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động.

2.2. Hồ sơ thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp không có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể lao động hoặc của người sử dụng lao động, không có biên bản cuộc họp thương lượng là không đúng quy định tại Điều 70 Bộ luật Lao động.

2.3. Huy động 21 người lao động làm thêm giờ vượt quá 40 giờ trong tháng là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 107 Bộ luật Lao động.

2.4. Khoản 4 Điều 8 nội quy lao động quy định: "người lao động muốn nghỉ việc riêng có hưởng lương cần làm đơn xin nghỉ báo trước cho Công ty ít nhất 03 ngày trước khi nghỉ" là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 115 Bộ luật Lao động.

2.5. Chưa thực hiện việc giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động theo quy định tại khoản 4 Điều 136 Bộ luật Lao động.

2.6. Mạng lưới an toàn, vệ sinh viên gồm 4/7 người là tổ trưởng hoặc trưởng ca sản xuất và chưa bảo đảm mỗi tổ sản xuất có 1 an toàn, vệ sinh viên trong giờ làm việc (thiếu bộ phận bảo trì, nồi hơi) là không đúng quy định tại Điều 74 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.7. Chưa thực hiện huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động cho 90 người lao động theo quy định tại Điều 14 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Chánh thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã ban hành Quyết định số 16/QĐ-XPHC ngày 22/01/2024 xử phạt vi phạm hành chính đối với doanh nghiệp do đã thực hiện 02 hành vi vi phạm hành chính với tổng số tiền xử phạt là 80.000.000 đồng, cụ thể:

- Huy động 21 người lao động làm thêm giờ vượt quá số giờ theo quy định tại Điều 107 Bộ luật Lao động, số tiền xử phạt là 30.000.000 đồng.

- Không tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho 90 người lao động theo quy định của pháp luật tại Điều 14 Luật An toàn, vệ sinh lao động, số tiền xử phạt là 50.000.000 đồng.

V. HẠN CHẾ, BẤT CẬP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC

Không.

VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thực hiện các nội dung sau:

1. Chấp hành nghiêm Quyết định số 16/QĐ-XPHC ngày 22/01/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xử phạt vi phạm hành chính.

2. Khắc phục các vi phạm nêu tại khoản 2 Mục III của Kết luận thanh tra như sau:

- Khắc phục ngay vi phạm nêu tại điểm 2.3 và 2.7.

- Khắc phục vi phạm nêu tại điểm 2.1 khi phát sinh.

- Khắc phục các vi phạm còn lại trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra này.

3. Thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở của doanh nghiệp ít nhất 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra này, doanh nghiệp báo cáo (bằng văn bản) kết quả thực hiện Kết luận thanh tra (gửi kèm các văn bản, hồ sơ có liên quan) gửi về Thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội./.

Nơi nhận:
- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra Bộ LĐTBXH (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Cổng TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, Hồ sơ TTr.

KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA

Nguyễn Thị Hồng Diệp